

Bản án số: **42/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 28-8-2020

V/v: "Ly hôn"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Tỷ

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Quang Thìn

2. Ông Đồng Văn Hóa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đào Thị Quỳnh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2020/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2020 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: tổ 6, ấp TA, xã TL, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước.

\* Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1968 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 6, ấp TA, xã TL, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Nguyễn Văn P là vợ chồng chung sống với nhau tự nguyện từ năm 1990, có tổ chức đám cưới theo phong tục của địa phương, đến năm 2002 mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong xây dựng gia đình và làm ăn kinh tế; anh P sống gia trưởng, thường xuyên nhậu nhẹt rồi ghen tuông vô cớ, đánh đập chị H nhiều lần làm cho cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Vào năm 2015, chị H đã nộp đơn

yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông P nhưng vì thương các con và muốn cho nhau cơ hội để hàn gắn tính cảm vợ chồng nên chị đã suy nghĩ lại, nhưng anh P không thay đổi, vẫn cứng đầu, càng ngày đối xử càng tệ với chị H. Nay chị H xác định tình cảm dành cho anh P không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh P có 04 con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1992, Nguyễn Thị P, sinh năm 1994, Nguyễn Thị V, sinh năm 1996 và Nguyễn Thành T, sinh năm 2001. Khi ly hôn do các con đã thành niên, có khả năng lao động nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi con và cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị H không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2020, bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn P và chị Trần Thị H là vợ chồng chung sống với nhau tự nguyện từ năm 1990, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Đ P, tỉnh Bình Phước vào năm 2002. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H không chung thủy, có quan hệ ngoài hôn nhân với người khác, anh P đã nhiều lần khuyên bảo nhưng chị H không chấm dứt, anh P thừa nhận thường hay uống rượu và thỉnh thoảng do uống say nên có chửi chị H. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh P xác định tình cảm dành cho chị H vẫn còn nên không đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung, cấp dưỡng nuôi con: anh P và chị H có 04 con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1992, Nguyễn Thị P, sinh năm 1994, Nguyễn Thị V, sinh năm 1996 và Nguyễn Thành T, sinh năm 2001. Do các con đã thành niên, nên trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi con và cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh P không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

- Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến xác định việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật trong Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định.

Về nội dung giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình xem xét cho chị H được ly hôn với anh P.

+ Về con chung, cấp dưỡng: không đề nghị xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

+ Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: không đề nghị xem xét giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn do nguyên đơn chị Trần Thị H thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn anh Nguyễn Văn P có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện ĐP, tỉnh Bình Phước nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Về việc vắng mặt của bị đơn: Mặc dù Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh P nhưng tại phiên tòa hôm nay anh P có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh P xây dựng gia đình với nhau vào năm 1990, đến năm 2002 đã thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T L, huyện Đp, tỉnh Bình Phước trên tinh thần tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P vi phạm nghĩa vụ của người chồng trong gia đình, thường xuyên uống rượu, chửi bới, đánh đập chị H. Quá trình giải quyết vụ án, anh P có đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt thông báo hòa giải để tạo điều kiện cho các bên có cơ hội hoà giải, đoàn tụ gia đình nhưng anh P vắng mặt, điều này thể hiện anh P thờ ơ, không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa các bên đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh P là phù hợp với các điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị H và anh P có 04 con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1992, Nguyễn Thị P, sinh năm 1994, Nguyễn Thị V, sinh năm 1996 và Nguyễn Thành T, sinh năm 2001. Do các con đã thành niên, có khả năng lao động, các bên đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Không xem xét, giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm nguyên đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn P.

2. Về con chung, cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: các bên đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Trần Thị H phải chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004143 ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

4. Chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh P được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Đồng Phú;
- THA huyện Đồng Phú;
- UBND xã TL;
- Các đương sự;
- Lưu HS, BP.HNGĐ.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phan Thị Tỷ**